

Bản án số: 122/2026/HS-PT  
Ngày: 12-5-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Trọng Danh

Bà Mai Vương Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 76/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Ung Thượng H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1/ Ung Thượng H**, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1954 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú và chỗ ở: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Hợp tác xã N; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ung Tấn H1 và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H2 và 04 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29 tháng 7 năm 2021, bị Công an xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp); bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

**2/ Trần Văn P**, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1985 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú và chỗ ở: khối phố X, phường T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty T5; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Q và bà Nguyễn Thị H3; có vợ là Nguyễn Thị Thu H4 và 02 con (sinh năm 2013 và 2019); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25 tháng 02 năm 2019, bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đã nộp); bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

**3/ Triệu Thanh T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú và chỗ ở: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty T5; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quang P1 và bà Nguyễn Thị H5; có vợ là Trương Thị T2 và 02 con (sinh năm 2016, 2025); tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

*Ngoài ra còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã N (HTX N) được thành lập năm 1979, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Quảng Nam cũ ra quyết định thành lập. Sau thời gian hoạt động được chuyển đổi thành Hợp tác xã N và được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 10 năm 2015. Tại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 3307M00003, HTX N có 201 thành viên, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã là ông Ung Thượng H, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hợp tác xã.

Căn cứ quyết định số: 46/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Q về ban hành một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số: 124/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Q, HTX N ban hành Quyết định số: 06/QĐ-HTX ngày 15/3/2016, Phê duyệt đầu tư dự án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc với tổng kinh phí thực hiện là 486.398.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*) do HTX N làm chủ đầu tư, trong đó nguồn vốn của hợp tác xã là 286.389.000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*), vốn xin hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Để thực hiện dự án trên, ngày 20/5/2017, HTX N ký Hợp đồng số: 04/2017/HĐ-TVTK với Công ty TNHH MTV T6 (gọi tắt là Công ty T6) và ban hành Quyết định số: 08/QĐ-HTX, Phê duyệt lựa chọn Công ty T6 làm đơn vị nhà thầu, gói thầu “*Tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình nhà làm việc HTX Mỹ T*”, giá trị hợp đồng là 23.836.000 đồng (*Hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn*).

Ngày 10/6/2017, HTX N ký hợp đồng gói thầu “*Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán công trình Hợp tác xã N*” số: 05/2017/HĐ-XD với Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X) và ban hành Quyết định số: 08a/QĐ-HTX ngày 10/6/2017, Phê duyệt lựa chọn Công ty X là nhà thầu “*Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Hợp tác xã N*”, giá trị hợp đồng là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng chẵn*). Tại báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế - dự toán số

15/BCTr-MK ngày 17/6/2017 của Công ty Cổ phần X kết luận “Hồ sơ thiết kế - dự toán công trình Hợp tác xã N; địa điểm: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam tuân thủ các điều kiện kỹ thuật và văn bản hiện hành đủ điều kiện để Chủ đầu tư xem xét và quyết định”.

Ngày 19/7/2017, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N có Kết quả thẩm định số 56a/KQTD-KT&HT, Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình N với giá trị công trình được phê duyệt là 465.702.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm không hai nghìn đồng*). Trên cơ sở kết quả thẩm định, HTX N đã ban hành Quyết định số: 08/QĐ-HTX ngày 30/10/2017, về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình nhà làm việc với quy mô xây dựng 3 phòng, tổng diện tích xây dựng 136m<sup>2</sup>, kết cấu móng bằng BTCT đá 1x2 M200, móng bó nền xây đá học vữa XM M75 kết hợp bê tông giằng móng đá 1x2 M200. Bậc cấp xây gạch thẻ VXM M75. Tường dày 20cm gạch ống VXM M75, sê nô BTCT dày 8cm. Mái lợp tôn dày 0,42mm, xà gồ thép hình chữ nhật C50x100x2, tường thu hồi xây gạch ống VXM M75. Dầm cột trát VXM M75, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả matic. Nền lót gạch Ceramic 400x400 vữa lót M75. Hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng sắt kính, khung hoa bảo vệ. Đóng trần khung xương tôn lạnh và lắp đặt hệ thống điện.

Ngày 13/9/2017, HTX N làm Tờ trình số: 15/TTr-HTX gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Q (UBND) đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở với số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 01/10/2018, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số: 2935/QĐ-UBND, về việc cấp kinh phí cho các địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, trong đó HTX N được hỗ trợ số tiền 200.000.000 đồng để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

Căn cứ quyết định cấp kinh phí của UBND tỉnh Q, ngày 12/11/2018, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 7617/QĐ-UBND, Quyết định cấp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã từ nguồn tỉnh bổ sung tại Quyết định số: 2935/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Q.

Sau khi có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ từ UBND tỉnh, Ung Thượng H – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc HTX N liên hệ Trần Văn P - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần T5 (gọi tắt là Công ty T5) để trao đổi với P về nội dung thay đổi phương án xây dựng trụ sở HTX. H nói với P do HTX không có đủ kinh phí để xây mới trụ sở làm việc nên HTX chỉ tu sửa lại trụ sở làm việc. H đưa ra yêu cầu với P, nếu Công ty T7 nhận thi công sửa chữa trụ sở HTX thì P phải giúp HTX lập không hồ sơ quyết toán xây mới để HTX giải ngân số tiền Nhà nước hỗ trợ, P nghe vậy thì đồng ý. Sau khi thống nhất với yêu cầu của H, P trao đổi lại với Triệu Thanh T1 - Giám đốc Công ty T5 về nội dung H đưa ra thì được T1 đồng ý cùng thực hiện.

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban N ngày 23/11/2018, H đưa ra vấn đề sửa chữa trụ sở hợp tác xã với lý do kinh phí không đủ để xây mới theo dự án đã được phê duyệt và hồ sơ quyết toán xây mới ông H đã nhờ đơn vị sửa chữa là Công ty T8 giúp.

Sau khi được các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thống nhất, ngày 04/12/2018, H ký Hợp đồng sửa chữa trụ sở HTX N số 15/2018/HĐ-XD với Công ty T9 là Trần Văn P, giá trị hợp đồng là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) gồm các hạng mục: Thay mới toàn bộ mái tôn, sơn sắt thép xà gồ mái; đóng trần la phong tôn lạnh theo thiết kế được duyệt, thay khung xương trần la phong bị hư hỏng; lát toàn bộ gạch nền 400 x 400 theo thiết kế được phê duyệt; trám trít, trát lại toàn bộ vị trí tường, trụ, sê nô bị hỏng; xây trám cửa đi, cửa sổ phòng tiếp khách; sơn lại toàn bộ nhà làm việc, trong ngoài theo hồ sơ thiết kế; vệ sinh, sơn lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ; tập hợp, chuẩn bị tất cả hồ sơ quyết toán.

Mặc dù chỉ sửa chữa lại trụ sở, tuy nhiên Triệu Thanh T1 cùng với Ung Thượng H đã ký, lập khống Hợp đồng thi công xây dựng số: 17/2018/HĐ-XD ngày 29/10/2018 có giá trị: 368.225.000 đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành theo hợp đồng (đợt 1) và Bảng diễn giải tiên lượng công trình HTX N để Ung Thượng H trình UBND huyện N xét đề nghị hỗ trợ số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó, T1 là người trực tiếp soạn thảo, ký hợp đồng, chứng từ sau đó đưa cho P để chỉnh sửa đưa lại cho H. Chữ ký, chữ viết của người có tên “Nguyễn Bình P2” tại mục “ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG” của “Biên bản nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành theo hợp đồng (đợt 1)” trong “Hồ sơ thanh toán đợt 1” mà T1 và P lập khống đưa cho H để trình Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện N giải ngân là do P ký, viết giả. Chữ ký, chữ viết người có tên “Nguyễn Minh H6” tại mục “ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT” là do T1 ký, viết giả.

Trên cơ sở các tài liệu do H, T1, P lập khống, ngày 22/01/2019, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N (cũ) chuyển tiền cho Hợp tác xã bằng lệnh chi tiền số 150, chuyển vào tài khoản số 4208211000073 P01 của HTX mở tại ngân hàng N1 chi nhánh T10, N, số tiền 200.000.000 đồng.

Để hoàn thiện hồ sơ quyết toán xây dựng công trình HTX Mỹ T, Trần Văn P đã nhờ Trần Quang T3 - Giám đốc Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) đứng tên pháp nhân làm đơn vị tư vấn giám sát để hợp thức hồ sơ nghiệm thu công trình. Trong quá trình thí nghiệm thu, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N và các đơn vị liên quan phát hiện chủ đầu tư HTX N không thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình theo dự án đã được phê duyệt nên không nghiệm thu công trình theo đề nghị của HTX N.

Số tiền 200.000.000 đồng UBND tỉnh hỗ trợ, qua kiểm tra sổ theo dõi tài khoản ngân hàng số 4208211000073 P01 của HTX N đã sử dụng vào các mục đích sau:

- Ngày 21/02/2019, chi trả số tiền 23.858.000 đồng cho Công ty T6 với nội dung: Thanh toán tiền lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng cho Công ty T6. Dương Quốc V – Giám đốc Công ty T6 thừa nhận có nhận số tiền trên từ HTX N bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

- Ngày 14/3/2019, chi trả số tiền 12.046.000 đồng cho Công ty K. Trong số tiền này, T3 chỉ nhận 3.046.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), còn lại 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) T3 đưa cho P.

- Ngày 14/3/2019, chi trả số tiền 165.090.750 đồng cho Công ty T5 với nội dung thanh toán tiền thi công xây dựng theo hợp đồng số: 17/2018/HĐ-XD. Tuy nhiên thực tế Công ty T11 nhận 150.000.000 đồng bằng tiền mặt theo hợp đồng sửa chữa với HTX N tại các phiếu chi số 125 ngày 07/12/2018 số tiền 50.000.000 đồng, phiếu chi số 08 ngày 23/01/2019 số tiền 80.000.000 đồng, phiếu chi số 27 ngày 30/01/2019 số tiền 20.000.000 đồng; số tiền còn lại 15.090.750 đồng, HTX N dùng để chi tiêu và hoạt động của HTX hết số tiền này. Qua sao kê tài khoản ngân hàng N thì hiện tại trong tài khoản HTX còn 58.647.422 đồng, đây là số tiền dùng để hoạt động của HTX N.

Ngoài ra, Ung Thượng H còn khai nhận: sau khi P nhận số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng sửa chữa với HTX N, P lấy ra số tiền 10.000.000 đồng trong số tiền này ra đưa cho H nói đây là quà cảm ơn ông H đã tạo điều kiện cho Công ty thi công sửa chữa trụ sở nên H nhận số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện N ra Quyết định trưng cầu giám định tư pháp về xây dựng số: 56/QĐ, gửi đến Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam để xác định số tiền thiệt hại do hành vi của các đối tượng gây ra đối với dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc HTX Mỹ T.

Ngày 19/5/2023, Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Q có Công văn số: 58/CV-TTKĐ trả lời về nội dung kết quả giám định như sau: “Hiện nay do không có Bản vẽ hoàn công Nhà làm việc Hợp tác xã N cũ (hiện trạng) nên Trung tâm K không đủ cơ sở pháp lý để xem xét, tính toán và đối chiếu với công trình hiện tại để thực hiện các nội dung giám định”.

Tại Công văn số: 2390/STC-ĐN ngày 24/7/2023 của Sở Tài chính tỉnh Q về việc cung cấp thông tin liên quan đến dự án đầu tư xây dựng trụ sở HTX N và Công văn số: 86/CV-TTKĐ ngày 24/7/2023 của Trung tâm K đồng nhất quan điểm về chi phí sửa chữa trụ sở hợp tác xã như sau:

“HTX Nông nghiệp Mỹ Tân A không được sử dụng số tiền 200.000.000 đồng để sửa chữa trụ sở làm việc cũ, vì chưa đúng theo mục đích ban đầu xin hỗ trợ theo Quyết định số: 2935/QĐ-UBND, cấp hỗ trợ cho HTX để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc”

Việc HTX Mỹ T sử dụng số tiền 200.000.000 đồng vào mục đích sửa chữa trụ sở làm việc cũ không được xem là chi phí hợp lý và không được nghiệm thu thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vấn đề này được pháp luật quy định tại điểm c, điểm k, khoản 2, Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014, quy định về Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng và khoản 7 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Ung Thượng H, Trần Văn P và Triệu Thanh T1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Ung Thượng H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Triệu Thanh T1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, bị cáo Ung Thượng H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, quyết định mức án dưới mức thấp nhất khung hình phạt tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn P3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, bị cáo Triệu Thanh T1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, cho áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T4 đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ.

Về nội dung: xét kháng cáo của bị cáo thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Ung Thượng H, Trần Văn P và Triệu Thanh T1 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo H mức án 05 năm tù, bị cáo P, T1 04 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: bị cáo P nộp 35.700.000 đồng, bị cáo H nộp 2.200.000 đồng, bị cáo T1 nộp 40.200.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho mỗi bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo H xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 356; các bị cáo P, T1 xin được giảm nhẹ hình phạt và cho được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để có cơ hội tiếp tục làm việc, chăm sóc gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, Hợp tác xã N đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-HTX ngày 15 tháng 3 năm 2016, phê duyệt đầu tư dự án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc với tổng kinh phí xây mới là 486.398.000 đồng, trong đó nguồn vốn của Hợp tác xã là 286.389.000 đồng, vốn xin hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 200.000.000 đồng.

[2] Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi, vì muốn có kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Hợp tác xã, Ung Thượng H với vai trò là Giám đốc Hợp tác xã N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình đã bàn bạc, trao đổi, thống nhất cùng với Triệu Thanh T1 và Trần Văn P lập khống hồ sơ thanh toán, quyết toán công trình xây mới; mặc dù T1, P ký hợp đồng và thi công sửa chữa trụ sở làm việc của Hợp tác xã nhưng giúp sức cho Ung Thượng H lập khống hồ sơ thanh toán, quyết toán công trình xây mới để được Ủy ban nhân dân huyện G số tiền 200.000.000 đồng, sau đó Ung Thượng H chi sai mục đích, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 200.000.000 đồng.

[3] Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo Ung Thượng H, Trần Văn P và Triệu Thanh T1 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, thực hiện hành vi phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân. Các bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) như bản án sơ thẩm đã tuyên và tiền án phí sơ thẩm. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

[5] Về án phí: các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ung Thượng H, Trần Văn P, Triệu Thanh T1, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Ung Thượng H **04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn P **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Triệu Thanh T1 **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

5. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HS-NV, Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND KV 5 - Đà Nẵng;
- VKSND KV 5- Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 5 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP. Đà Nẵng;
- Vụ GDKT (Vụ I), TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Anh Tuấn**

